

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Kiều Thị Thanh Trà

**ĐẶC ĐIỂM TRÍ TUỆ XÃ HỘI
CỦA SINH VIÊN SỬ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Tâm lý học chuyên ngành
Mã số: 62 31 04 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

HÀ NỘI – năm 2017

Công trình được hoàn thành tại
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Người hướng dẫn khoa học
PGS. TS. HUỶNH VĂN SƠN

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp
Học viện họp tại
vào hồi...giờ...phút, ngày... tháng... năm...

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện.....

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Trí tuệ là vấn đề thu hút sự quan tâm nghiên cứu từ rất sớm của các nhà tâm lý học. Trước đây, khi đề cập đến vấn đề trí tuệ con người, đa phần các nhà khoa học chỉ tập trung nghiên cứu trí tuệ lý trí được đo bằng chỉ số IQ. Tuy nhiên, những thành tựu nghiên cứu trong lĩnh vực này đã dần thay đổi quan niệm về trí tuệ, cũng như khẳng định sự đa dạng trong cách tiếp cận và các quan niệm về trí tuệ. Ngày nay, bên cạnh trí tuệ lý trí, các nhà tâm lý học còn phát hiện và quan tâm đến những loại trí tuệ khác của con người như trí tuệ cảm xúc, trí tuệ sáng tạo, trí tuệ xã hội (TTXH),... Mỗi loại hình trí tuệ đều giữ vai trò nhất định trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách cá nhân [23], [84].

Con người sống trong xã hội theo nguyên lý của sự tương tác. TTXH là loại trí tuệ thể hiện trong các mối quan hệ, trong tương tác giữa người với người. Với tình huống xã hội khác nhau, mỗi cá nhân nhất thiết phải thích ứng với hoàn cảnh, ứng xử phù hợp để làm chủ các mối quan hệ và thực tiễn xã hội. TTXH góp phần quan trọng trong hoạt động giao tiếp, tương tác giữa người với người nên nó có ảnh hưởng đặc biệt đến sự thích nghi, tương tác xã hội và khả năng thiết lập quan hệ xã hội để hướng đến sự thành công [7], [47]. Đối với một số lĩnh vực chủ yếu đặt trên nền tảng mối quan hệ giữa người với người như công tác xã hội, tham vấn, trị liệu, dạy học,... thì TTXH càng phải được xem trọng [43], [85], [90].

Mục đích của nghề dạy học là giáo dục thế hệ trẻ một cách toàn diện và hài hoà, chuẩn bị cho họ những phẩm chất và năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Ứng với mục đích trên, nghề dạy học có đối tượng tác động là con người với nhân cách xác định đang tồn tại và phát triển như một thực thể xã hội có ý thức, chủ động tiếp thu sự giáo dục [15], [37]. Rõ ràng, nghề dạy học chủ yếu dựa trên sự tương tác với cá nhân khác, do đó, mối quan hệ người – người nổi lên như một vấn đề cốt yếu của lao động sư phạm (SP). Nội dung, tính chất và cách xử lý mối quan hệ này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dạy học và giáo dục. Để xử lý tốt mối quan hệ đặc thù này, giáo viên phải có khả năng nắm bắt chính xác tâm

lý của người học trong quá trình tương tác truyền tải kiến thức, giao tiếp và ứng xử SP trong môi trường học đường, xây dựng hình ảnh giáo viên chuẩn mực, mô phạm. Muốn vậy, TTXH là yếu tố không thể thiếu trong cấu trúc nhân cách của người thầy giáo nói chung, sinh viên (SV) SP nói riêng. Sự nhạy bén trong các tình huống SP, điều chỉnh bản thân trong các mối quan hệ, sự linh hoạt trong công tác chuyên môn đều là những thành phần được tạo ra từ chính TTXH. TTXH giúp giáo viên tạo ra sự tương tác hiệu quả với người học, nắm bắt đối tượng giáo dục một cách cụ thể, toàn diện, là tiền đề tạo nên sự thành công trong quá trình lao động SP [43], [85].

SV SP được đào tạo để thích ứng với lao động SP và trở thành những nhà giáo dục trong tương lai. Để đáp ứng được các yêu cầu đặc trưng của lao động SP, bên cạnh những kiến thức chuyên môn, SV SP phải được rèn luyện và phát triển TTXH để nhanh chóng thích ứng với nghề nghiệp tương lai. Việc rèn luyện, phát triển TTXH cho SV SP chỉ thực sự mang lại hiệu quả khi được tiến hành một cách hệ thống, phù hợp với đặc trưng của loại hình trí tuệ này. Do vậy, việc nghiên cứu đặc điểm TTXH của SV SP nói chung, SV SP TP.HCM nói riêng, để đưa ra những biện pháp tác động phù hợp là rất quan trọng.

Xuất phát từ những lý do trên, đề tài “**Đặc điểm trí tuệ xã hội của sinh viên sư phạm thành phố Hồ Chí Minh**” được xác lập.

2. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

2.1. Mục đích nghiên cứu: Nghiên cứu lý luận và thực tiễn đặc điểm trí tuệ xã hội của sinh viên sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó, đề xuất một số biện pháp nhằm điều chỉnh đặc điểm trí tuệ xã hội của nhóm khách thể này để phù hợp hơn với yêu cầu của lao động sư phạm.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

2.2.1. Tổng quan nghiên cứu về TTXH của SV SP.

2.2.2. Xây dựng cơ sở lý luận nghiên cứu về đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM.

2.2.3. Xác định thực trạng một số đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM.

2.2.4. Đề xuất một số biện pháp và thực nghiệm hai biện pháp tác động đến cá nhân bao gồm (1) - tích hợp nội dung rèn luyện TTXH vào học phần Tâm

lý học đại cương, Tâm lý học lứa tuổi - sự phạm; (2) - tổ chức khóa học chuyên biệt về TTXH nhằm điều chỉnh đặc điểm TTXH của SV sự phạm TP.HCM để phù hợp hơn với yêu cầu của lao động sự phạm.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Một số đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Giới hạn về nội dung nghiên cứu

Chỉ nghiên cứu một số đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua mức độ TTXH, mối quan hệ giữa các mặt biểu hiện, từng mặt biểu hiện trong cấu trúc TTXH, sự phân hóa TTXH giữa các nhóm khách thể khác nhau và tỉ lệ ảnh hưởng của tính tích cực cá nhân và môi trường SP đến TTXH của SV SP TP.HCM. Bên cạnh đó, việc xác định một số đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM chủ yếu dựa trên 03 tiêu chí là tính phổ quát, tính điển hình và tính riêng biệt.

Chỉ thực nghiệm hai biện pháp theo hướng tác động đến cá nhân bao gồm (1) - tích hợp nội dung rèn luyện TTXH vào học phần Tâm lý học đại cương, Tâm lý học lứa tuổi - sự phạm và (2) - tổ chức khóa học chuyên biệt về TTXH. Bên cạnh đó, mục đích điều chỉnh đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM để phù hợp hơn với yêu cầu của lao động SP trong thực nghiệm này chủ yếu chỉ tập trung vào việc cải thiện TTXH cho nhóm khách thể tham gia thực nghiệm.

3.2.2. Giới hạn về khách thể nghiên cứu

- Khách thể tham gia khảo sát chính: 866 SV đang theo học các ngành SP hệ chính quy của các trường: Đại học Sư Phạm thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TP.HCM), Đại học Sư Phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPKT TP.HCM), Đại học Sư Phạm Thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTDTT TP.HCM) và Đại học Sài Gòn (ĐHSG).
- Khách thể tham gia thực nghiệm: 136 SV SP hệ chính quy trường ĐHSP TP.HCM.
- Khách thể trả lời phỏng vấn:

Trong nghiên cứu thực trạng: 30/866 SV đã tham gia khảo sát và 30 giảng viên, cán bộ nhân viên thuộc các trường kể trên.

Trong nghiên cứu thực nghiệm: 10 SV đã tham gia nhóm thực nghiệm.

4. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

4.1. Phương pháp luận

4.1.1. Nguyên tắc hoạt động: Tâm lý, ý thức được nảy sinh bởi hoạt động. Hoạt động là quy luật hoạt động chung nhất của tâm lý người. Phản ánh tâm lý không bao giờ tách rời hoạt động, hoạt động vừa tạo ra tâm lý vừa sử dụng phản ánh tâm lý làm khâu trung gian của hoạt động, tác động vào đối tượng. Nghiên cứu đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM không thể tách rời hoạt động của chính họ, nghĩa là thông qua các dạng hoạt động và tương tác xã hội đặc trưng, đặc điểm TTXH của nhóm khách thể này sẽ được bộc lộ. Đồng thời, tổ chức các hoạt động tác động cũng là một biện pháp để phát triển TTXH cho SV SP.

4.1.2. Nguyên tắc hệ thống – cấu trúc: TTXH là năng lực tổng hợp, là biểu hiện cụ thể của đời sống tâm lý cá nhân. Chính vì vậy, TTXH phải được xem xét với tư cách là một bộ phận trong mối liên hệ với đời sống tâm lý cá nhân, có mối liên hệ với các yếu tố khách quan. Đồng thời, TTXH cũng được xem là một hệ thống với các thành phần cấu trúc của nó.

4.1.3. Nguyên tắc lịch sử - xã hội: Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM chịu sự tác động và ảnh hưởng bởi những yếu tố nhất định trong thực tiễn lịch sử xã hội. Tiếp cận TTXH của SV SP TP.HCM phải gắn với việc tìm hiểu điều kiện, môi trường hoạt động thực tiễn của họ cũng như gắn với từng trường hợp cụ thể. Bên cạnh đó, nghiên cứu đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM phải đặt trong mối tương quan với yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan.

4.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể: Luận án sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu sau đây: phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp chuyên gia; phương pháp điều tra bằng bảng hỏi; phương pháp phỏng vấn; phương pháp thực nghiệm và phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học.

5. ĐÓNG GÓP MỚI VỀ KHOA HỌC CỦA LUẬN ÁN

5.1. Về lý luận

Luận án đã hệ thống hóa, khái quát hóa một số công trình nghiên cứu về trí tuệ và TTXH, đồng thời chỉ rõ khoảng trống về nội dung và phương pháp nghiên cứu TTXH ở Việt Nam hiện nay.

Luận án góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận định hướng cho việc nghiên cứu đặc điểm TTXH của SV SP, xác định các khái niệm cơ bản (trí tuệ, TTXH, các mô hình TTXH, TTXH của SV SP,...) và một số biểu hiện đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM dựa trên mô hình S.P.A.C.E. do Karl Albrecht đề xuất.

Luận án cung cấp những bằng chứng khoa học, góp phần bổ sung, làm phong phú thêm hệ thống lý luận về TTXH của SV SP.

5.2. Về thực tiễn

Luận án là công trình nghiên cứu chuyên sâu về TTXH trên nhóm khách thể là SV SP TP.HCM. Bằng cách sử dụng phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu, luận án đã xác định được thực trạng một số đặc điểm TTXH của nhóm khách thể này thể hiện qua mức độ TTXH, mối quan hệ giữa các mặt biểu hiện, kết quả phân tích từng mặt biểu hiện trong cấu trúc TTXH, sự phân hóa TTXH ở các nhóm khách thể khác nhau và tỉ lệ ảnh hưởng của một số yếu tố đến TTXH của SV SP TP.HCM. Từ đó, luận án đã bổ sung số liệu thực tế, những nhận định mới, chi tiết hơn về TTXH của SV SP trong giai đoạn hiện nay.

Dựa trên kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận án đã đề xuất và lựa chọn thực nghiệm hai biện pháp bao gồm (1) - tích hợp nội dung rèn luyện TTXH vào học phần Tâm lý học đại cương, Tâm lý học lứa tuổi - sự phạm và (2) - tổ chức khóa học chuyên biệt về TTXH. Kết quả thực nghiệm đã khẳng định tính khả thi và hiệu quả của hai biện pháp này. Như vậy, luận án đồng thời đóng góp một số biện pháp cụ thể giúp rèn luyện TTXH cho SV SP cũng như góp phần nâng cao chất lượng đào tạo SV ở các trường SP.

6. Ý NGHĨA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA LUẬN ÁN

6.1. Ý nghĩa lý luận: Trên thế giới, đã có không ít công trình nghiên cứu về TTXH nói chung và TTXH của giáo viên, SV SP nói riêng. Tuy nhiên, những nghiên cứu này ở Việt Nam còn rất hạn chế. Với việc lựa chọn nghiên cứu đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM, luận án đã góp phần lấp khoảng trống về các nghiên cứu trong lĩnh vực TTXH ở Việt Nam. Nghiên cứu này cũng đóng góp một cách nhìn nhận, đánh giá TTXH của SV SP TP.HCM một cách cụ thể, thực chứng; góp phần bổ sung và làm phong phú hơn lý luận về TTXH cũng như đặc điểm tâm lý của nhóm khách thể này.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn: Luận án đã xác định được một số đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM và đề xuất một số biện pháp nhằm giúp SV SP nâng cao TTXH. Kết quả nghiên cứu này chính là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho công tác nghiên cứu, xây dựng chương trình và đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện SV, nâng cao chất lượng hoạt động dạy – học ở các trường SP nói riêng và các trường cao đẳng – đại học nói chung. Đồng thời, các biện pháp được đề xuất cũng có thể được xem xét, vận dụng trong thực tiễn để giúp SV phát triển TTXH. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng như một gợi ý về thiết kế nghiên cứu cũng như các hướng nghiên cứu tiếp theo trong lĩnh vực nghiên cứu về TTXH nói chung và TTXH của SV SP nói riêng.

7. CƠ CẤU CỦA LUẬN ÁN: Luận án gồm 150 trang với những nội dung chính sau đây: Mở đầu; Phần nội dung gồm 4 chương (Chương 1. Tổng quan nghiên cứu về TTXH của SV SP; Chương 2. Cơ sở lý luận nghiên cứu về đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM; Chương 3. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM; Chương 4. Kết quả nghiên cứu thực tiễn về đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM); Kết luận – kiến nghị; Danh mục công trình đã công bố của tác giả; Tài liệu tham khảo và Phụ lục.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ TRÍ TUỆ XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM

1.1. Tổng quan một số công trình nghiên cứu về trí tuệ

1.1.1. Tổng quan một số công trình nghiên cứu về trí tuệ ở nước ngoài

1.1.2. Tổng quan một số công trình nghiên cứu về trí tuệ ở Việt Nam

1.2. Tổng quan một số công trình nghiên cứu về TTXH

1.2.1. Tổng quan một số công trình nghiên cứu về TTXH ở nước ngoài

1.2.2. Tổng quan một số công trình nghiên cứu về TTXH ở Việt Nam

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Tổng quan các công trình nghiên cứu về trí tuệ cho thấy đây là vấn đề được tiếp cận, nghiên cứu với nhiều quan điểm khác nhau, từ quan điểm hẹp, quan điểm truyền thống đến quan điểm hiện đại, mang tính nhân văn, gắn với thực tiễn cuộc sống. Thông qua một số công trình nghiên cứu tiêu biểu trên thế giới và ở Việt Nam đã khẳng định tầm quan trọng của việc nghiên cứu trí tuệ, sự phát triển trí tuệ, các phẩm chất cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ,... Các công trình nghiên cứu đã khẳng định sự phức tạp của lĩnh vực này cũng như tầm quan trọng của trí tuệ trong đời sống tâm lý con người, cần được tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và chính xác hóa.

Tổng quan các công trình nghiên cứu về TTXH cho thấy hướng nghiên cứu này được khởi phát khi E.L. Thorndike lần đầu tiên đưa ra khái niệm “trí tuệ xã hội”. Trên thế giới, những nghiên cứu trong lĩnh vực này được phân hóa thành các hướng chính như: (1) - nghiên cứu về TTXH nói chung; (2) - nghiên cứu về phương pháp đo lường TTXH; (3) – nghiên cứu về yếu tố ảnh hưởng đến TTXH và (4) – nghiên cứu TTXH trong một số lĩnh vực cụ thể, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Các hướng nghiên cứu này đã khẳng định sự phong phú, đa dạng của vấn đề, đồng thời khẳng định vai trò của TTXH đối với đời sống tâm lý con người nói chung và lĩnh vực giáo dục nói riêng. Tuy nhiên, ở Việt Nam, những nghiên cứu về TTXH còn rất hạn chế, chỉ đề cập sơ lược đến một vài khía cạnh của TTXH trong một số ít trường hợp cụ thể, chưa nghiên cứu sâu về TTXH trên các nhóm khách thể đặc thù.

Tóm lại, những công trình nghiên cứu về TTXH ở Việt Nam đã cho thấy một khoảng trống về cách tiếp cận, nội dung cũng như phương pháp nghiên

cứu. Chính vì vậy, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu “Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM” dựa trên cách tiếp cận TTXH theo quan điểm hiện đại.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU VỀ ĐẶC ĐIỂM TRÍ TUỆ XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Trí tuệ

2.1.1. Khái niệm trí tuệ: Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiếp cận khái niệm trí tuệ dựa trên quan điểm hiện đại và quan niệm trí tuệ là *một tổ hợp năng lực, được hình thành và thể hiện trong hoạt động của cá nhân, nhằm đảm bảo cho cá nhân tương tác có hiệu quả với môi trường sống.*

2.1.2. Mô hình cấu trúc trí tuệ

2.2. Trí tuệ xã hội

2.2.1. Khái niệm trí tuệ xã hội: Dựa trên cơ sở lý luận về trí tuệ, TTXH, các quan niệm về TTXH, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, *TTXH được xác định là một tổ hợp năng lực giúp cá nhân tương tác có hiệu quả với người khác trong các tình huống xã hội.*

2.2.2. Một số mô hình TTXH: Trong số các mô hình TTXH, mô hình S.P.A.C.E. được Karl Albrecht xây dựng dựa trên hướng tiếp cận hiện đại về TTXH, đồng thời, ông nhấn mạnh khi sử dụng mô hình này, có thể đo lường TTXH của khách thể dựa trên các mặt biểu hiện thông qua câu hỏi tự đánh giá và (hoặc) các bài tập, tình huống giả định do người nghiên cứu đưa ra chứ không nhất thiết phải sử dụng các trắc nghiệm TTXH [43]. Hơn nữa, mô hình này cho thấy sự phù hợp với khái niệm TTXH được xác định là một tổ hợp năng lực giúp cá nhân tương tác có hiệu quả với người khác trong các tình huống xã hội. Đồng thời, mô hình này đề cập trực tiếp đến các mặt biểu hiện của TTXH và không trùng lặp với các cấu thành hay biểu hiện của các loại hình trí tuệ khác. Chính vì vậy, người nghiên cứu chọn sử dụng mô hình TTXH này trong nghiên cứu đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM.

2.3. SV SP và một số đặc điểm tâm lý của SV SP

2.3.1. SV SP: là những SV đang theo học tại các trường cao đẳng hoặc đại học SP. Họ tiến hành hoạt động học tập chuyên ngành, rèn luyện nghiệp vụ SP với mục đích trở thành giáo viên trong tương lai, đáp ứng những yêu cầu của lao động SP.

2.3.2. Một số đặc điểm tâm lý của SV SP

2.4. Trí tuệ xã hội của SV SP

2.4.1. Khái niệm TTXH của SV SP: TTXH của SV SP là một tổ hợp năng lực của SV SP, bao gồm nhận thức xã hội, thể hiện bản thân, tạo sự tín nhiệm, giao tiếp hiệu quả và thấu cảm, giúp SV SP tương tác có hiệu quả với người khác trong các tình huống xã hội.

2.4.2. Biểu hiện TTXH của SV SP dựa trên mô hình S.P.A.C.E.

2.4.3. Vai trò của TTXH đối với SV SP

2.4.4. Phát triển TTXH cho SV SP

2.5. Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM

2.5.1. Khái niệm TTXH và đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM

2.5.1.1. Khái niệm TTXH của SV SP TP.HCM: TTXH của SV SP TP.HCM là một tổ hợp năng lực của SV SP đang theo học tại các trường trên địa bàn TP.HCM, bao gồm nhận thức xã hội, thể hiện bản thân, tạo sự tín nhiệm, giao tiếp hiệu quả và thấu cảm, giúp SV SP TP.HCM tương tác có hiệu quả với người khác trong các tình huống xã hội.

2.5.1.2. Khái niệm đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM: Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM được xác định là những nét điển hình, phổ quát và riêng biệt trong tổ hợp năng lực của SV SP TP.HCM, bao gồm nhận thức xã hội, thể hiện bản thân, tạo sự tín nhiệm, giao tiếp hiệu quả và thấu cảm, giúp SV SP TP.HCM tương tác có hiệu quả với người khác trong các tình huống xã hội.

2.5.2. Biểu hiện đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM Chúng tôi xác định nghiên cứu đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM là nghiên cứu định tính, thể hiện qua việc xác định những nét điển hình, phổ quát và riêng biệt trong loại hình trí tuệ này của SV SP TP.HCM. Dựa trên kết quả nghiên cứu định

lượng, các biểu hiện được xác định là đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM khi chúng thỏa mãn những tiêu chí sau:

- Tính điển hình: biểu hiện mang tính đại diện, đặc trưng cho TTXH của SV SP TP.HCM
- Tính phổ quát: biểu hiện chung trong TTXH của đa số SV SP TP.HCM xét theo từng nhóm khách thể tham gia khảo sát.
- Tính riêng biệt: thể hiện qua những biểu hiện riêng biệt, nổi bật, đáng chú ý bao gồm cả những biểu hiện tích cực (ưu điểm) và biểu hiện tiêu cực (hạn chế) trong TTXH của SV SP TP.HCM. Ngoài ra, trong luận án này, tính riêng biệt cũng được xem xét dưới góc độ là những nét khác biệt (nếu có) trong TTXH của SV thuộc 4 trường tham gia khảo sát bao gồm trường ĐHSPTDTP.HCM; trường ĐHSPTDTP.HCM; trường ĐHSPTDTP.HCM và trường ĐHSPTDTP.HCM.

Trên cơ sở này, luận án xác định những biểu hiện đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM chính là những biểu hiện mang tính điển hình, phổ quát, riêng biệt trong TTXH của SV SP TP.HCM dựa trên kết quả nghiên cứu định lượng về mức độ TTXH, mối quan hệ giữa các mặt biểu hiện trong cấu trúc TTXH, từng mặt biểu hiện trong cấu trúc TTXH, sự phân hóa TTXH ở các nhóm khách thể khác nhau dựa trên các tham số nghiên cứu và tỉ lệ ảnh hưởng của một số yếu tố đến TTXH của SV SP TP.HCM.

2.5.2.1. Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua mức độ TTXH

2.5.2.2. Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua mối quan hệ giữa các mặt biểu hiện trong cấu trúc TTXH

2.5.2.3. Đặc điểm TTXH thể hiện qua từng mặt biểu hiện: nhận thức xã hội, thể hiện bản thân, tạo sự tín nhiệm, giao tiếp hiệu quả và thấu cảm của SV SP TP.HCM

2.5.2.4. Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua sự phân hóa TTXH của SV SP xét theo một số tham số nghiên cứu

2.5.2.5. Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua tỉ lệ ảnh hưởng của tính tích cực cá nhân và môi trường SP đến TTXH của SV SP

2.6. Một số yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

TTXH được xác định là một tổ hợp năng lực giúp cá nhân tương tác có hiệu quả với người khác trong các tình huống xã hội. Đồng thời, mô hình TTXH do Karl Albrecht đề xuất (bao gồm nhận thức xã hội, thể hiện bản thân, tạo sự tín nhiệm, giao tiếp hiệu quả và thấu cảm) được sử dụng để nghiên cứu đặc điểm TTXH của SV SP.

Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM được xác định là những nét điển hình, phổ quát, riêng biệt trong tổ hợp năng lực của SV SP TP.HCM, bao gồm nhận thức xã hội, thể hiện bản thân, tạo sự tín nhiệm, giao tiếp hiệu quả và thấu cảm, giúp SV SP TP.HCM tương tác có hiệu quả với người khác trong các tình huống xã hội.

Để nghiên cứu đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM, đề tài tập trung làm rõ những nét điển hình, phổ quát, riêng biệt (biểu hiện đặc điểm) sau:

- Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua mức độ TTXH.
- Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua mối quan hệ giữa các mặt biểu hiện trong cấu trúc TTXH.
- Đặc điểm TTXH thể hiện qua từng mặt biểu hiện: nhận thức xã hội, thể hiện bản thân, tạo sự tín nhiệm, giao tiếp hiệu quả và thấu cảm của SV SP TP.HCM
- Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua sự phân hóa TTXH của SV SP xét theo một số tham số nghiên cứu.
- Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua tỉ lệ ảnh hưởng của tính tích cực cá nhân và môi trường SP đến TTXH của SV SP.

CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM TRÍ TUỆ XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Tổ chức nghiên cứu

3.1.1. Giai đoạn 1: Xây dựng hệ thống cơ sở lý luận về đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM

3.1.2. Giai đoạn 2: Xây dựng công cụ nghiên cứu đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM

3.1.3. Giai đoạn 3: Nghiên cứu thực trạng đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM

3.1.4. Giai đoạn 4: Đề xuất và thực nghiệm một số biện pháp nhằm điều chỉnh đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM để phù hợp hơn với yêu cầu của lao động SP.

3.2. Phương pháp nghiên cứu: 3.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu;

3.2.2. Phương pháp chuyên gia; 3.2.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi;

3.2.4. Phương pháp phỏng vấn; 3.2.5. Phương pháp thực nghiệm;

3.2.6. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, luận án được tiến hành nghiên cứu theo 04 giai đoạn: Giai đoạn 1: Xây dựng hệ thống cơ sở lý luận nghiên cứu về đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM; Giai đoạn 2: Xây dựng công cụ nghiên cứu đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM; Giai đoạn 3: Nghiên cứu thực trạng đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM; Giai đoạn 4: Đề xuất và thực nghiệm một số biện pháp nhằm điều chỉnh đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM để phù hợp hơn với yêu cầu của lao động SP.

Trong quá trình nghiên cứu, những phương pháp nghiên cứu sau đây đã được sử dụng một cách đồng bộ, bao gồm: phương pháp nghiên cứu tài liệu, chuyên gia, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn, thực nghiệm và xử lý số liệu bằng thống kê toán học. Ở từng phương pháp, chúng tôi xác định mục đích, nội dung, cách thức thực hiện phù hợp với từng nhiệm vụ nghiên cứu nhằm đảm bảo tính khoa học, chính xác cho kết quả nghiên cứu của luận án.

**CHƯƠNG 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN ĐẶC ĐIỂM
TRÍ TUỆ XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN SỰ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

4.1. Kết quả nghiên cứu thực trạng biểu hiện đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM dựa trên một số khía cạnh

4.1.1. Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua mức độ TTXH

Bảng 4.1. Kết quả khảo sát mức độ TTXH của SV SP TP.HCM

		ĐHSP TP.HCM		ĐHSP TDĐT TP.HCM		ĐHSPKT TP.HCM		ĐHSG		Toàn mẫu	
		Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %
Mức độ	Rất thấp	0	0	3	2,8	1	0,4	1	0,5	5	0,6
	Thấp	5	1,7	23	21,5	26	10,6	20	9,3	74	8,5
	TB	188	63,1	70	65,4	196	79,7	172	80,0	626	72,3
	Khá	103	34,6	11	10,3	23	9,3	22	10,2	159	18,4
	Cao	2	0,7	0	0	0	0	0	0	2	0,2
TB tổng điểm TTXH		261,33		234,23		243,25		242,86		248,26	
ĐLC		26,04		31,39		22,28		23,28		26,94	

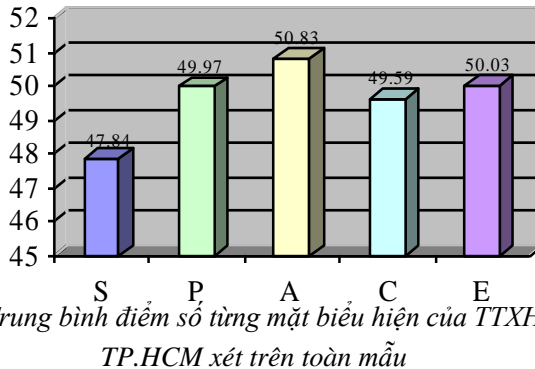
Xét trên toàn mẫu khảo sát, trung bình tổng điểm TTXH của SV SP TP.HCM là 248,26 thuộc mức trung bình; độ lệch chuẩn 26,94 cho thấy có sự phân tán rõ rệt về điểm số TTXH. Xét về tỉ lệ từng loại, đa số SV SP có mức độ TTXH trung bình (626 SV tương ứng với 72,3%); tỉ lệ SV có TTXH ở mức độ khá là 18,4% (159 SV), chỉ có 0,2% (2 SV) có TTXH ở mức cao. Đáng chú ý, tỉ lệ SV SP TP.HCM có TTXH ở mức thấp và rất thấp lần lượt là 8,5% (74 SV) và 0,6% (5 SV). Đây thực sự là kết quả đáng suy nghĩ, bởi lẽ với đa số SV có TTXH trung bình, một số có TTXH ở mức thấp và rất thấp, SV SP gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trong hoàn cảnh có tương tác với người khác, khó làm chủ những mối quan hệ đặc trưng đáp ứng yêu cầu của đời sống nói chung và lao động SP nói riêng.

Nhận xét chung: Từ kết quả khảo sát thực trạng mức độ TTXH cho phép nhận định rằng phần lớn SV SP TP.HCM có TTXH ở mức trung bình chính là nét đặc trưng, điển hình của TTXH ở nhóm khách thể này. Đồng thời, kết quả phân tích cụ thể ở từng nhóm khách thể cũng cho kết quả tương tự như

trên. Như vậy, SV SP TP.HCM có TTXH ở mức trung bình vừa là biểu hiện mang tính đặc trưng, điển hình vừa là biểu hiện mang tính phổ quát của TTXH ở nhóm khách thể này. Ngoài ra, khi xem xét giữa 4 nhóm khách thể cho thấy TTXH của SV trường ĐHSPTDTT TP.HCM cao nhất và SV trường ĐHSPTDTT TP.HCM có TTXH thấp nhất. Kết quả này đồng thời phản ánh tính riêng biệt trong TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua mức độ TTXH.

4.1.2. Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua mối quan hệ giữa 5 mặt biểu hiện của TTXH

❖ **Xét trên toàn mẫu:** Phân tích dựa trên điểm trung bình ở các mặt biểu hiện của TTXH đưa ra cái nhìn rõ nét về các mặt biểu hiện này.



Biểu đồ 4.2. Trung bình điểm số từng mặt biểu hiện của TTXH của SV SP TP.HCM xét trên toàn mẫu

Kết quả phân tích điểm trung bình các mặt biểu hiện của TTXH xét trên toàn mẫu cho thấy không có sự chênh lệch đáng kể về điểm số giữa các mặt. Trong đó, SV SP TP.HCM có điểm số trung bình cao nhất ở mặt tạo sự tin nhiệm, thấp nhất ở mặt nhận thức xã hội. Ngoài ra, để xem xét mối quan hệ giữa các mặt biểu hiện này, người nghiên cứu khảo sát tương quan giữa chỉ số của các mặt biểu hiện TTXH theo mô hình S.P.A.C.E. Nhìn chung, các mặt biểu hiện của TTXH đều có tương quan với nhau từ mức độ khá trở lên. Điều này cho thấy muốn nâng cao TTXH, cần phải quan tâm giáo dục và rèn luyện một cách toàn diện tất cả các các mặt này.

❖ *Xét trên từng nhóm khách thể*

Bảng 4.3. Kết quả khảo sát trung bình tổng điểm 5 mặt biểu hiện TTXH xét trên từng nhóm khách thể

Mặt biểu hiện	ĐHSP TP.HCM	ĐHSPTDĐT TP.HCM	ĐHSPKT TP.HCM	ĐHSG
Nhận thức xã hội	50,23	44,75	47,28	46,72
Thể hiện bản thân	52,69	46,74	49,61	48,24
Tạo sự tín nhiệm	53,39	48,06	50,16	49,55
Giao tiếp hiệu quả	52,14	47,00	48,28	48,85
Thấu cảm	52,87	47,69	47,93	49,50

Mặc dù có sự khác biệt về điểm số cụ thể ở từng mặt biểu hiện, nhưng dễ dàng nhận thấy cả bốn nhóm khách thể đều có điểm số cao nhất ở mặt tạo sự tín nhiệm và thấp nhất ở mặt nhận thức xã hội. Như vậy, đây là một biểu hiện mang tính phổ quát được xác định là một đặc điểm của TTXH của SV SP TP.HCM

Nhận xét chung: Kết quả phân tích trung bình tổng điểm năm mặt biểu hiện của TTXH (bao gồm nhận thức xã hội, thể hiện bản thân, tạo sự tín nhiệm, giao tiếp hiệu quả và thấu cảm) cho thấy nét điển hình, phổ quát trong TTXH của nhóm khách thể này là SV SP TP.HCM có ưu thế ở mặt tạo sự tín nhiệm hơn so với các mặt còn lại; đồng thời, nhận thức xã hội là mặt hạn chế nhất của SV SP TP.HCM. Bên cạnh đó, các mặt biểu hiện của TTXH có tương quan từ mức khá trở lên chính là nét riêng biệt trong TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua kết quả khảo sát mối quan hệ giữa các mặt biểu hiện của TTXH.

4.1.3. Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua từng mặt biểu hiện TTXH dựa trên mô hình S.P.A.C.E. của Karl Albrecht

4.1.3.1. Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua mặt nhận thức xã hội

a. Mức độ biểu hiện ở mặt nhận thức xã hội của SV SP TP.HCM

b. Một số biểu hiện nổi bật ở mặt nhận thức xã hội của SV SP TP.HCM.

Nhận xét chung: Kết quả khảo sát cho thấy SV SP TP.HCM có nhận thức xã hội trung bình chính là nét điển hình, phổ quát trong TTXH của nhóm khách thể này. Bên cạnh đó, nét riêng biệt trong TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua ưu điểm và hạn chế riêng của nhóm khách thể này. Cụ thể, SV

SP TP.HCM có ý thức, thái độ tích cực với các chuẩn mực, giá trị xã hội, chú ý đến sự đa dạng văn hóa trong tương tác xã hội nhưng còn hạn chế ở khả năng phán đoán, đánh giá bản chất của các mối quan hệ cũng như chưa có hiểu biết đầy đủ về các nhóm xã hội khác nhau.

4.1.3.2. Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua mặt thể hiện bản thân

a. Mức độ biểu hiện ở mặt thể hiện bản thân của SV SP TP.HCM

b. Một số biểu hiện nổi bật ở mặt thể hiện bản thân của SV SP TP.HCM

Nhận xét chung: Thể hiện bản thân của SV SP TP.HCM ở mức trung bình chính là biểu hiện mang tính điển hình, phổ quát trong TTXH của nhóm khách thể này. Bên cạnh đó, nét riêng biệt ở mặt biểu hiện này được thể hiện qua việc SV SP TP.HCM hướng đến sự thể hiện bản thân thông qua những biểu hiện, hành vi bên ngoài nhằm xây dựng ấn tượng tốt đẹp đối với những người xung quanh trong các tình huống tương tác xã hội, tuy nhiên lại hạn chế về năng lực tự ý thức, đặc biệt là tự ý thức nghề nghiệp bản thân.

4.1.3.3. Đặc điểm TTXH SV SP TP.HCM thể hiện qua mặt tạo sự tín nhiệm

a. Mức độ biểu hiện ở mặt tạo sự tín nhiệm của SV SP TP.HCM

b. Một số biểu hiện nổi bật ở mặt tạo sự tín nhiệm của SV SP TP.HCM

Nhận xét chung: Kết quả khảo sát cho thấy những biểu hiện ở mặt tạo sự tín nhiệm của phần lớn SV SP TP.HCM đạt mức trung bình. Nhìn chung, nét riêng biệt ở mặt này thể hiện qua việc SV SP TP.HCM đã có những cố gắng nhất định trong việc hình thành uy tín cá nhân nhưng sinh viên vẫn chưa thể sử dụng uy tín này trong việc duy trì các mối quan hệ và tạo ra những ảnh hưởng tích cực đến người khác. Nhận định này cho thấy cần phải có những tác động đồng bộ theo hướng trang bị kiến thức, kỹ năng tạo uy tín cho SV SP TP.HCM.

4.1.3.4. Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua mặt giao tiếp hiệu quả

a. Mức độ biểu hiện ở mặt giao tiếp hiệu quả của SV SP TP.HCM

b. Một số biểu hiện nổi bật ở mặt giao tiếp hiệu quả của SV SP TP.HCM

Nhận xét chung: Tính điển hình, phổ quát trong TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua việc nhóm khách thể này có biểu hiện trung bình ở mặt giao tiếp hiệu quả. Bên cạnh đó, thông qua hai nhóm câu hỏi khảo sát, nét riêng biệt trong TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua mặt giao tiếp hiệu quả là đa số SV SP TP.HCM đã lựa chọn và sử dụng phương tiện giao tiếp phù hợp tuy nhiên vẫn gặp khó khăn trong việc làm chủ quá trình giao tiếp, giải quyết mâu thuẫn và đạt được mục đích giao tiếp đã đề ra.

4.1.3.5. Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua mặt thấu cảm

a. Mức độ biểu hiện ở mặt thấu cảm của SV SP TP.HCM

b. Một số biểu hiện nổi bật ở mặt thấu cảm của SV SP TP.HCM

Nhận xét chung: Nhìn chung, kết quả khảo sát đặc điểm TTXH thể hiện qua biểu hiện ở mặt thấu cảm cho thấy mặt biểu hiện này của SV SP TP.HCM ở mức trung bình. Điểm riêng biệt đáng chú ý ở mặt biểu hiện này là SV SP TP.HCM bước đầu đã có sự quan tâm và thấu hiểu các trải nghiệm cảm xúc của người khác trong quá trình tương tác xã hội, tuy nhiên, chưa thể hiện được một cách triệt để, đặc biệt còn gặp nhiều khó khăn trong những tình huống có xuất hiện mâu thuẫn.

4.1.4. Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua kết quả so sánh dựa trên các tham số nghiên cứu: 4.1.4.1. Theo trường đào tạo; 4.1.4.2. Theo năm học; 4.1.4.3. Theo giới tính; 4.1.4.4. Theo kết quả học tập; 4.1.4.5. Theo kết quả rèn luyện

Nhận xét chung về đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua kết quả so sánh dựa trên các tham số nghiên cứu: Dựa trên kết quả so sánh TTXH theo các tham số nghiên cứu cho thấy có sự phân hóa về TTXH của SV SP TP.HCM theo trường học, giới tính, kết quả học tập và kết quả rèn luyện. Cụ thể:

- Xét theo trường học của SV: SV trường ĐHSP TP.HCM có TTXH cao nhất và SV trường ĐHSPTDTT TP.HCM có TTXH thấp nhất trong 4 nhóm khách thể.

- Xét theo giới tính: Nữ SV SP TP.HCM có TTXH cao hơn so với nam SV SP TP.HCM.

- Xét theo kết quả học tập: SV SP TP.HCM có học lực giỏi có TTXH cao nhất, kế đến là SV có học lực khá; học lực trung bình và nhóm SV có học lực yếu có TTXH thấp nhất.

- Xét theo kết quả rèn luyện: SV SP TP.HCM với kết quả rèn luyện xuất sắc và giỏi có TTXH vượt trội hơn so với những nhóm SV có kết quả rèn luyện khá, trung bình – khá và trung bình.

4.1.5. Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM thể hiện qua kết quả phân tích một số yếu tố ảnh hưởng: Dựa trên kết quả nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đã cho thấy nét đặc trưng, riêng biệt thể hiện trong TTXH của SV SP TP.HCM là loại hình trí tuệ này chịu ảnh hưởng từ tính tích cực cá nhân (tỉ lệ ảnh hưởng là 15,9%) nhiều hơn từ môi trường SP (tỉ lệ ảnh hưởng là 8%). Trong đó, kết quả học tập và rèn luyện của SV SP là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến TTXH của nhóm khách thể này. Bên cạnh đó, mô hình hồi quy: $TTXH = 100 + 0,305 * F1 + 0,225 * F2 + 0,134 * F3 + 0,135 * F4 + 0,253 * F5$ (với F1 là kết quả học tập, rèn luyện; F2 là tính tích cực tham gia hoạt động xã hội của cá nhân; F3 là đánh giá về vai trò và sự cần thiết rèn luyện TTXH; F4 là mối quan hệ xã hội ở trường SP và F5 là nề nếp, văn hóa học đường) được xác định như là mô hình đặc trưng, riêng biệt cho các yếu tố ảnh hưởng đến TTXH của SV SP TP.HCM

4.2. Một số đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM

Từ kết quả phân tích định lượng từng khía cạnh trong TTXH của SV SP TP.HCM, tiến hành so sánh, đối chiếu, khái quát hóa dựa trên những nét điển hình, phổ quát, riêng biệt và tổng kết được một số đặc điểm TTXH của nhóm khách thể này như sau:

4.2.1. SV SP TP.HCM có TTXH trung bình

4.2.2. Năm mặt biểu hiện trong TTXH của SV SP TP.HCM có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó, SV có ưu thế nhất ở mặt tạo sự tín nhiệm và hạn chế nhất ở mặt nhận thức xã hội

4.2.3. Từng mặt biểu hiện trong TTXH của SV SP TP.HCM ở mức trung bình với những ưu điểm và hạn chế riêng

4.2.4. Có sự phân hóa về điểm số TTXH của SV SP TP.HCM khi so sánh dựa trên các tham số trường học, giới tính, kết quả học tập và kết quả rèn luyện

4.2.5. TTXH của SV SP TP.HCM chịu ảnh hưởng của nhóm yếu tố chủ quan (tính tích cực cá nhân) nhiều hơn nhóm yếu tố khách quan (môi trường SP)

4.3. Đề xuất và thực nghiệm một số biện pháp nhằm điều chỉnh đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM để phù hợp hơn với yêu cầu của lao động SP

4.3.1. Đề xuất một số biện pháp nhằm điều chỉnh đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM để phù hợp hơn với yêu cầu của lao động SP

4.3.1.1. Nhóm biện pháp tác động đến cá nhân bao gồm (1) Tích hợp nội dung rèn luyện TTXH vào một số học phần có liên quan và (2) Tổ chức khóa học ngắn hạn về TTXH cho SV SP.

4.3.1.2. Nhóm biện pháp hỗ trợ từ môi trường xã hội bao gồm (1) Cơ quan hữu quan; (2) Trường SP; (3) Giảng viên, cán bộ nhân viên trường SP.

4.3.2. Kết quả thực nghiệm một số biện pháp nhằm điều chỉnh đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM để phù hợp hơn với yêu cầu của lao động SP

4.3.2.1. Kết quả khảo sát thực trạng TTXH trước khi tiến hành thực nghiệm

4.3.2.2. Kết quả khảo sát thực trạng TTXH sau khi tiến hành thực nghiệm

a. Kết quả so sánh điểm số TTXH của nhóm đối chứng trước và sau khi tiến hành thực nghiệm

b. Kết quả khảo sát sau khi tiến hành thực nghiệm tích hợp nội dung rèn luyện TTXH vào học phần TLHĐC và TLHLTSP

c. Kết quả khảo sát sau khi tiến hành thực nghiệm biện pháp tổ chức khóa học chuyên biệt về TTXH cho SV SP TP.HCM

Đánh giá chung: Kết quả khảo sát sau khi tiến hành thực nghiệm ở cả hai biện pháp đều cho thấy điểm số của các nhóm thực nghiệm đều cao hơn nhóm đối chứng cũng như kết quả khảo sát trước thực nghiệm một cách có ý nghĩa (dựa trên các kiểm nghiệm thống kê). Như vậy, kết quả nghiên cứu thực nghiệm đã khẳng định tính hiệu quả của hai biện pháp nhằm điều chỉnh

đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM để phù hợp hơn với yêu cầu của lao động SP.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 4

Kết quả nghiên cứu thực tiễn đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM cho phép rút ra một số kết luận sau:

❖ Kết quả nghiên cứu thực trạng đã giúp xác định năm đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM, bao gồm:

- SV SP TP.HCM có TTXH trung bình.

- Năm mặt biểu hiện trong TTXH của SV SP TP.HCM có tương quan với nhau ở mức khá trở lên; bên cạnh đó, SV SP TP.HCM có ưu thế nhất ở mặt tạo sự tin nhiệm và hạn chế nhất ở mặt nhận thức xã hội.

- Từng mặt biểu hiện trong TTXH (bao gồm nhận thức xã hội, thể hiện bản thân, tạo sự tin nhiệm, giao tiếp hiệu quả và thấu cảm) của SV SP TP.HCM ở mức trung bình với những ưu điểm và hạn chế riêng

- Có sự phân hóa về TTXH của SV SP TP.HCM theo trường học, giới tính, kết quả học tập và kết quả rèn luyện.

- TTXH của SV SP TP.HCM chịu ảnh hưởng từ tính tích cực cá nhân (tỉ lệ ảnh hưởng là 15,9%) nhiều hơn từ môi trường SP (tỉ lệ ảnh hưởng là 8%).

Bên cạnh đó, mô hình hồi quy: $TTXH = 100 + 0,305 \cdot F1 + 0,225 \cdot F2 + 0,134 \cdot F3 + 0,135 \cdot F4 + 0,253 \cdot F5$ (với F1 là kết quả học tập, rèn luyện; F2 là tính tích cực tham gia hoạt động xã hội của cá nhân; F3 là đánh giá về vai trò và sự cần thiết rèn luyện TTXH; F4 là mối quan hệ xã hội ở trường SP và F5 là nề nếp, văn hóa học đường) được xác định như là mô hình đặc trưng, riêng biệt cho các yếu tố ảnh hưởng đến TTXH của SV SP TP.HCM

❖ Để điều chỉnh đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM phù hợp hơn với yêu cầu của lao động SP, có thể tác động từ hai hướng: hướng thứ nhất là tác động đến cá nhân bằng những tác động giáo dục phù hợp; hướng thứ hai là tác động đến môi trường xã hội nhằm tạo lập môi trường thuận lợi cho sự phát triển TTXH. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm đối với hai biện pháp (1) - tích hợp nội dung rèn luyện TTXH vào học phần TLHĐC, TLHLTSP và (2) – Tổ chức khóa học chuyên biệt về TTXH đã cho phép khẳng định tính hiệu quả của hai biện pháp này.

KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Kết quả nghiên cứu lý luận

TTXH được xác định là một tổ hợp năng lực giúp cá nhân tương tác có hiệu quả với người khác trong các tình huống xã hội. Đồng thời, mô hình TTXH S.P.A.C.E. do Karl Albrecht đề xuất được sử dụng để nghiên cứu đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM.

Đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM được xác định là những nét điển hình, phổ quát, riêng biệt trong tổ hợp năng lực của SV SP TP.HCM, bao gồm nhận thức xã hội, thể hiện bản thân, tạo sự tin nhiệm, giao tiếp hiệu quả và thấu cảm, giúp SV SP TP.HCM tương tác có hiệu quả với người khác trong các tình huống xã hội.

1.2. Kết quả nghiên cứu thực tiễn

1.2.1. Kết quả nghiên cứu thực trạng đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM

Kết quả nghiên cứu thực trạng đã xác định được 5 đặc điểm trong TTXH của SV SP TP.HCM như sau:

- SV SP TP.HCM có TTXH trung bình.
- Năm mặt biểu hiện trong TTXH của SV SP TP.HCM có tương quan với nhau ở mức khá trở lên trong đó tương quan mạnh nhất xảy ra giữa cặp “giao tiếp hiệu quả” và “thấu cảm”; bên cạnh đó, SV SP TP.HCM có ưu thế nhất ở mặt tạo sự tin nhiệm và hạn chế nhất ở mặt nhận thức xã hội.
- Từng mặt biểu hiện trong TTXH của SV SP TP.HCM ở mức trung bình với những ưu điểm và hạn chế riêng. Cụ thể:
 - Mặt nhận thức xã hội: Ưu điểm trong biểu hiện ở mặt nhận thức xã hội của nhóm khách thể này là SV có ý thức, thái độ tích cực với các chuẩn mực, giá trị xã hội, chú ý đến sự đa dạng văn hóa trong tương tác xã hội nhưng còn hạn chế ở khả năng phán đoán, đánh giá bản chất của các mối quan hệ cũng như chưa có hiểu biết đầy đủ về các nhóm xã hội khác nhau.
 - Mặt thể hiện bản thân: SV SP TP.HCM hướng đến sự thể hiện bản thân thông qua những biểu hiện, hành vi bên ngoài nhằm xây dựng ấn tượng tốt đẹp đối với những người xung quanh trong các tình huống tương tác xã hội,

tuy nhiên lại hạn chế về năng lực tự ý thức, đặc biệt là tự ý thức nghề nghiệp bản thân.

- Mặt tạo sự tín nhiệm: SV SP TP.HCM đã có những cố gắng nhất định trong việc hình thành uy tín cá nhân nhưng SV vẫn chưa thể sử dụng uy tín này trong việc duy trì các mối quan hệ và tạo ra những ảnh hưởng tích cực đến người khác.

- Mặt giao tiếp hiệu quả: SV SP TP.HCM đã lựa chọn và sử dụng phương tiện giao tiếp phù hợp tuy nhiên vẫn gặp khó khăn trong việc làm chủ quá trình giao tiếp, giải quyết mâu thuẫn và đạt được mục đích giao tiếp đã đề ra.

- Mặt thấu cảm: SV SP TP.HCM bước đầu đã có sự quan tâm và thấu hiểu các trải nghiệm cảm xúc của người khác trong quá trình tương tác xã hội, tuy nhiên, chưa thể hiện được một cách triệt để, đặc biệt còn gặp nhiều khó khăn trong những tình huống có xuất hiện mâu thuẫn.

- Có sự phân hóa, khác biệt có ý nghĩa trong TTXH của SV SP TP.HCM khi xem xét theo trường học, giới tính, kết quả học tập và kết quả rèn luyện.

- TTXH của SV SP TP.HCM chịu ảnh hưởng từ tính tích cực cá nhân nhiều hơn từ môi trường SP.

1.2.2. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm một số biện pháp điều chỉnh đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM để phù hợp hơn với yêu cầu của lao động SP

Để điều chỉnh đặc điểm TTXH của SV SP TP.HCM để phù hợp hơn với yêu cầu của lao động SP, có thể tác động từ hai hướng: hướng thứ nhất là tác động đến cá nhân bằng những tác động giáo dục phù hợp; hướng thứ hai là tác động đến môi trường xã hội nhằm tạo lập môi trường thuận lợi cho sự phát triển TTXH. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm đối với hai biện pháp (1) - tích hợp nội dung rèn luyện TTXH vào học phần TLHĐC, TLHLTSP và (2) – Tổ chức khóa học chuyên biệt về TTXH đã cho phép khẳng định tính hiệu quả của những biện pháp này.

2. Kiến nghị

Để định hướng cho sự phát triển TTXH của SV SP nói riêng và SV nói chung, người nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị như sau:

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các tổ chức giáo dục có liên quan cần nghiên cứu, xem xét đưa nội dung giáo dục rèn luyện TTXH với một thời lượng thích hợp vào chương trình, hệ thống giáo dục quốc dân. Trong tương lai, các nhà giáo dục, nhà khoa học có thể tiến đến nghiên cứu, xây dựng chương trình giáo dục, rèn luyện TTXH mang tính đồng bộ, thống nhất cho các cấp học, bậc học.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có những chính sách khuyến khích sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương và các cơ quan hữu quan trong việc định hướng rèn luyện TTXH cho thế hệ trẻ.

2.2. Đối với các trường SP

Trường SP cần quan tâm nhiều hơn đến vấn đề rèn luyện TTXH cho SV trong quá trình đào tạo, nhằm giúp SV có thể đáp ứng tốt hơn với yêu cầu ngày càng cao của lao động SP.

Nhà trường cần bổ sung một số học phần, chuyên đề có liên quan đến TTXH vào chương trình đào tạo các ngành SP để giúp SV nâng cao nhận thức xã hội, đồng thời rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hoạt động nhóm, xử lý tình huống, nhận thức và thể hiện bản thân,...

Nhà trường cần thường xuyên tổ chức các hoạt động cụ thể, thiết thực như các hội thảo chuyên đề, sinh hoạt ngoại khóa, các hoạt động giao lưu, thực tập, thực tế; tổ chức các khoá học về kiến thức xã hội, định hướng giá trị, kỹ năng tự nhận thức, tự thể hiện bản thân, ứng xử phù hợp với văn hóa, môi trường xã hội, ... để giúp SV rèn luyện và phát triển TTXH.

Đẩy mạnh công tác xây dựng Đoàn thanh niên, Hội SV. Đoàn, Hội SV cần thường xuyên tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao kiến thức xã hội, rèn luyện kỹ năng tương tác xã hội cho SV, nâng cao chất lượng các hoạt động Đoàn, Hội, thông qua đó từng bước nâng cao TTXH cho SV.

Xây dựng môi trường văn hoá học đường đảm bảo tính mô phạm, thân thiện và tích cực bằng cách xây dựng nội quy kỷ luật – quy chế đào tạo hợp

lý, gìn giữ nề nếp kỷ luật học đường, thiết lập môi trường học tập năng động, xây dựng văn hóa giao tiếp trường học, cải thiện cơ sở vật chất, chất lượng hoạt động phục vụ hoạt động học tập và rèn luyện của SV. Đồng thời, cần chú ý phát huy tối đa vai trò của giảng viên, cán bộ nhân viên nhà trường trong mối quan hệ tương tác liên nhân cách với SV.

Ngoài ra, nhà trường có thể cân nhắc áp dụng, cải tiến các biện pháp rèn luyện TTXH đã được đề xuất để giúp SV rèn luyện và nâng cao TTXH nhằm thích ứng tốt hơn với đời sống xã hội và đáp ứng các yêu cầu của lao động SP sau này.

2.3. Đối với giảng viên trường sư phạm

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần tổ chức đa dạng các hoạt động dạy học và giáo dục, khuyến khích SV SP tham gia vào các hoạt động tập thể, thông qua đó, giúp SV rèn luyện các mặt biểu hiện của TTXH.

Giảng viên có thể kết hợp lồng ghép, tích hợp vào bài giảng các kiến thức về văn hoá, xã hội, các định hướng giúp SV SP rèn luyện khả năng giao tiếp ứng xử, cách thể hiện bản thân, thấu hiểu người khác và tạo ra sự hợp tác, uy tín cá nhân, cải thiện mối quan hệ xã hội,...

Giảng viên có thể dựa trên một số định hướng tích hợp nội dung rèn luyện TTXH để thiết kế hoạt động phù hợp và tiến hành triển khai ở các lớp học phân phụ trách; tổ chức đa dạng các hoạt động dạy học và giáo dục, khuyến khích SV tham gia vào các hoạt động tập thể, kích thích sự tự giáo dục và giáo dục lẫn nhau.

2.4. Đối với sinh viên sư phạm

SV SP phải nhận thức được tầm quan trọng của TTXH đối với cuộc sống cũng như nghề nghiệp trong tương lai, từ đó hình thành ý thức rèn luyện, nâng cao TTXH cho bản thân.

Tích cực, chủ động học hỏi, tham gia các hoạt động xã hội cũng như các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện TTXH cho bản thân.

Không ngừng rèn luyện, nâng cao TTXH và hoàn thiện nhân cách để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong tương lai.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Kiều Thị Thanh Trà (2016), “*Chỉ số trí tuệ xã hội của sinh viên sư phạm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*”, Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 04 – 2016.
2. Kiều Thị Thanh Trà (2016), “*Thực nghiệm tích hợp nội dung rèn luyện trí tuệ xã hội vào học phần Tâm lý học đại cương cho sinh viên trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh*”, Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 05. – 2016.